

Số: 09

Ngày 11/03/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Quy định mới về lệ phí trước bạ.
2. Quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân.
3. Tổ chức, cá nhân chỉ được tổ chức triển lãm khi có Giấy phép.
4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
5. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án cấp nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong năm 2019.
6. Thực hiện điều trị nội trú ban ngày tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh y học cổ truyền.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định quy định về đào tạo chuyên khoa trong lĩnh vực sức khỏe.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Những loại thông tin nào công dân không được tiếp cận?
2. Xin hỏi, các hành vi nào bị cấm khi tiếp cận thông tin?
3. Quy định cách thức xử lý thông tin công khai không chính xác?
4. Cách xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác như thế nào?

1. QUY ĐỊNH MỚI VỀ LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

Giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước là giá bán thực tế ghi trên hóa đơn bán nhà theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mua theo phương thức đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá là giá trúng đấu giá thực tế ghi trên hóa đơn bán hàng. Trường hợp giá nhà, đất tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán nhà cao hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất là giá tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán nhà.

Đây là nội dung mới được Chính phủ quy định tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019, về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về lệ phí trước bạ.

Bên cạnh giá tính lệ phí trước bạ nhà, đất, Nghị định còn quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là

súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao, tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, thuyền, kể cả du thuyền, tàu bay... là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản căn cứ vào các cơ sở dữ liệu cụ thể sau: Đối với tài sản mua bán trong nước là giá trên hóa đơn bán hàng hợp pháp, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (nếu có). Đối với tài sản sản xuất trong nước là giá theo Thông báo của doanh nghiệp sản xuất chính hãng. Đối với tài sản tự sản xuất, chế tạo để tiêu dùng là giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có). Đối với tài sản nhập khẩu (bao gồm cả tài sản nhập khẩu đã qua sử dụng) là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, cộng thuế nhập khẩu (nếu có), cộng thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng thuế giá trị gia tăng (nếu có); hoặc là giá theo thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài. Trường hợp miễn thuế nhập khẩu theo quy định thì giá tính lệ phí trước bạ bao gồm cả thuế nhập khẩu được miễn.

Đặc biệt, Nghị định còn quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là ô tô, các loại xe tương tự (trừ rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô) và xe máy là giá tại quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành. Trường

hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai lệ phí trước bạ chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu quyết định giá tính lệ phí trước bạ của từng loại ô tô, xe máy mới phát sinh.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2019.

2. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN.

Ngày 25/02/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2019/NĐ-CP quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân (CAND).

Theo đó, cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân về hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ Công an trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Thủ trưởng Công an các cấp có trách nhiệm tiếp nhận hoặc phân công cán bộ thuộc quyền quản lý tiếp nhận thông tin tố cáo; bố trí địa điểm (đối với đơn vị Công an có trụ sở độc lập) và cán bộ tiếp công dân để tiếp nhận thông tin tố cáo. Thanh tra Công an các cấp hoặc người được Thủ trưởng công an các cấp phân công tiếp nhận thông tin tố cáo có trách nhiệm giúp Thủ trưởng Công an cùng cấp tiếp nhận, phân loại, đề xuất xử lý

thông tin tố cáo theo quy định của pháp luật.

Cơ quan, đơn vị, cá nhân trong CAND có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giải quyết tố cáo theo đúng quy định của pháp luật; áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; bảo đảm an toàn cho người tố cáo, người thân của người tố cáo; xử lý nghiêm minh cơ quan, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ công an, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có hành vi vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo trong CAND khi chưa có kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo. Cơ quan, đơn vị, cá nhân trong CAND có thẩm quyền giải quyết tố cáo mà không giải quyết tố cáo theo đúng quy định của pháp luật, thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết tố cáo hoặc giải quyết tố cáo trái pháp luật thì phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Công an; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với người giải quyết tố cáo trong CAND; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo theo quy định của pháp luật; áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo theo thẩm quyền; xử

lý người có hành vi vi phạm pháp luật theo kết luận nội dung tố cáo; xử lý cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về tố cáo.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2019.

3. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỈ ĐƯỢC TỔ CHỨC TRIỂN LÃM KHI CÓ GIẤY PHÉP

Ngày 26/02/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2019/NĐ-CP về hoạt động tổ chức, phối hợp tổ chức triển lãm không vì mục đích thương mại thực hiện tại Việt Nam và đưa ra nước ngoài.

Theo đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động triển lãm. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động triển lãm. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động triển lãm; thẩm định nội dung, có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các triển lãm theo đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động triển lãm tại địa phương.

Tổ chức, cá nhân chỉ được tổ chức triển lãm khi có giấy phép (đối với triển lãm do tổ chức, cá nhân tại Việt Nam đưa ra nước ngoài; triển lãm do tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài tổ chức tại Việt Nam) hoặc sau thời hạn quy định tại khoản 3, 4 Điều 17 của Nghị định này.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm có thể gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến thuộc công thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm;

Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo); ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số; văn bản thỏa thuận hoặc thư mời, thông báo, hợp đồng của phía nước ngoài về việc tổ chức triển lãm; bản sao một trong các giấy tờ sau: giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của người tổ chức triển lãm (đối với triển lãm do cá nhân người Việt Nam đứng tên tổ chức); hộ chiếu (đối với triển lãm do người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đứng tên tổ chức); phương án bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ...

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản nêu rõ lý do.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2019.

4. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngày 15/02/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Tổng cục) trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội. Tổng cục có nhiệm vụ và quyền hạn: tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong phạm vi cả nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đo lường; năng suất; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; nhãn hàng hóa; mã số, mã vạch; đánh giá sự phù hợp; thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại; giải thưởng chất lượng quốc gia; tổ chức quản lý và thực hiện các hoạt động dịch vụ công liên quan đến hoạt động này theo quy định của pháp luật; Tổ

chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đo lường; năng suất; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; nhãn hàng hóa; mã số, mã vạch; đánh giá sự phù hợp; thông báo và hỏi đáp quốc gia; giải thưởng chất lượng quốc gia; Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đo lường; năng suất; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; nhãn hàng hóa; mã số, mã vạch; đánh giá sự phù hợp; thông báo và hỏi đáp quốc gia; giải thưởng chất lượng quốc gia và các văn bản cá biệt khác theo quy định của pháp luật...

Cơ cấu tổ chức của Tổng cục bao gồm 07 Vụ, 02 Văn phòng, 01 Cục, 10 Trung tâm và 03 Viện nghiên cứu.

Tổng Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục. Các Phó Tổng cục trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng Cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2019.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH CÁC DỰ ÁN CẤP NƯỚC SẠCH KHU VỰC NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG NĂM 2019.

Ngày 01/3/2019, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND về việc tăng cường

chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án cấp nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn Thành phố trong năm 2019.

Theo đó, các huyện, thị ban hành nghị quyết phân công, chỉ đạo các xã, các đoàn thể tuyên truyền người dân về lợi ích của việc sử dụng nước sạch với sức khỏe nhân dân và cộng đồng, đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; gắn việc sử dụng nước sạch nông thôn với Chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện, xã; tuyên truyền vận động, tạo điều kiện cho người dân đóng góp chi phí lắp đặt đồng hồ nước; phối hợp, tạo điều kiện cho các Nhà đầu tư triển khai các dự án phát triển mạng lưới cấp nước; chỉ đạo các Phòng, ban chuyên môn, thanh tra xây dựng huyện, thị xã phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án cung cấp nước sạch; thành lập tổ công tác giải quyết vướng mắc, khó khăn liên quan; tăng cường công tác quản lý các công trình cấp nước sau đầu tư.

Các nhà đầu tư tập trung nguồn lực, khẩn trương triển khai thực hiện các Dự án phát triển nguồn, mạng cấp nước đã được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư cụ thể như sau: đối với 05 nhà đầu tư triển khai dự án phát triển nguồn (gồm: Công ty cổ phần nước mặt sông Đuống, Công ty cổ phần nước mặt sông Hồng, Công ty cổ phần đầu tư nước sạch sông Đà,

Công ty cổ phần Ao Vua và Công ty cổ phần cấp nước Mê Linh) đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành các dự án cấp nguồn tập trung trong năm 2019 để công suất tăng thêm khoảng 525.000m³/ngày, nâng tổng nguồn nước sạch cấp cho hệ thống lên khoảng 1.700.000m³/ngày; đối với 09 nhà đầu tư triển khai dự án phát triển mạng (Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội, Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Hà Nam, Công ty cổ phần nước sạch Tây Hà Nội...) tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ triển khai các Dự án phát triển mạng hoàn thành trong năm 2019, nâng tỷ lệ người dân được cấp nước sạch từ 55,5% lên khoảng 73 - 75%.

Sở Xây dựng, Văn phòng UBND Thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo định kỳ hàng quý với Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về tình hình thực hiện Chỉ thị này.

6. THỰC HIỆN ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ BAN NGÀY TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH Y HỌC CỔ TRUYỀN.

Ngày 01/3/2019, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 01/2019/TT-BYT quy định việc thực hiện điều trị nội trú ban ngày tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền.

Theo đó, người bệnh điều trị nội trú ban ngày được thăm khám lâm sàng, cận lâm sàng hàng ngày hoặc theo lịch hẹn của bác sĩ điều trị và được hưởng chế độ điều trị nội trú, theo dõi và chăm sóc trong thời gian làm việc ban ngày.

Việc điều trị nội trú ban ngày là do bác sĩ quyết định khi bệnh nhân đáp ứng các tiêu chí như: tình trạng bệnh không nhất thiết phải theo dõi 24/24; theo dõi, điều trị nội trú ban ngày cho người bệnh tối thiểu 4 giờ/ngày tại cơ sở khám; tình trạng bệnh có thể điều trị ngoại trú; người bệnh không cư trú trên cùng địa bàn nơi đặt cơ sở khám bệnh.

Khi bệnh diễn biến nặng, bất thường hoặc cần theo dõi 24/24 giờ thì chuyển người bệnh vào điều trị nội trú. Hồ sơ bệnh án về diễn biến bệnh được tiếp tục sử dụng. Ngày điều trị nội trú được tính từ thời điểm người bệnh được chuyển sang điều trị nội trú 24/24 giờ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2019.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA TRONG LĨNH VỰC SỨC KHỎE.

Dự thảo Nghị định quy định về đào tạo chuyên khoa trong lĩnh vực sức khỏe đang được Bộ Y tế lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành để hoàn thiện dự thảo. Theo đó, chương trình đào tạo trình độ đại học trong lĩnh vực sức khỏe phải có khối lượng học tập tối thiểu 120 tín chỉ, tương đương với 04 năm học tập trung. Người tốt nghiệp trình độ đại học có thể học tiếp lên thạc sĩ theo quy định hiện hành hoặc có thể học tiếp chương trình đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu để đạt trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia nếu đáp ứng được điều kiện của chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt, Dược, chuyên khoa (CK) hoặc chuyên khoa sâu (CKS) để đạt trình độ tương đương

bậc 7 trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe phải có khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ tương đương với 02 năm học tập trung và đáp ứng chuẩn đầu ra tương đương bậc 7 theo khung trình độ quốc gia (không bao gồm quá trình thực hành để đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề).

Người tốt nghiệp trình độ đào tạo tương đương bậc 7 trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe có thể học tiếp lên tiến sĩ hoặc có thể học tiếp chương trình đào tạo CK hoặc CKS tương đương trình độ bậc 8 nếu đáp ứng được điều kiện của chương trình đào tạo. Để đạt trình độ tương đương bậc 8 trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe, người học phải có khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ tương đương với 03 năm học tập trung và đáp ứng chuẩn đầu ra tương đương bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia (không bao

gồm quá trình thực hành để đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề).

Ngoài ra, dự thảo Nghị định còn quy định cơ sở đào tạo là đại học, trường đại học, học viện đăng ký đào tạo CK, CKS phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau: được giao nhiệm vụ và đáp ứng đủ các điều kiện, yêu cầu đào tạo trình độ đại học ngành tương ứng theo đúng quy định hiện hành; có ít nhất 01 (một) khóa sinh viên trình độ đại học ngành tương ứng tốt nghiệp; có ít nhất 05 (năm) giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động trình độ CK cấp II sau đại học hoặc tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư đã được cấp chứng chỉ hành nghề (đối với những ngành có yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh), có ít nhất 5 năm kinh nghiệm phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo và đang làm việc thường xuyên tại cơ sở thực hành của cơ sở đào tạo; các giảng viên cơ hữu nói trên không trong danh sách giảng viên để đăng ký mở ngành đào tạo ở các ngành/chuyên ngành,

trình độ và loại hình đào tạo khác của cơ sở đào tạo; có cơ sở thực hành để thực hiện toàn bộ chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các yêu cầu theo quy định hiện hành.

Với các ngành/chuyên ngành chưa đào tạo CK cấp II sau đại học, chưa có giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư, nếu chưa đủ số lượng giảng viên cơ hữu phù hợp trong độ tuổi lao động theo quy định thì có thể thay thế bằng CK cấp II, tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư của ngành gần. Các giảng viên của ngành gần này phải có kinh nghiệm giảng dạy trình độ sau đại học ít nhất 05 (năm) năm và có ít nhất 02 (hai) công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành đăng ký đào tạo đã công bố trong 05 (năm) năm tính đến ngày cơ sở đào tạo đăng ký mở ngành đào tạo. Các cơ sở đào tạo CK xác định chi phí đào tạo CK theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí trên cơ sở lấy thu bù chi và công khai minh bạch.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Những loại thông tin nào công dân không được tiếp cận?

*** Trả lời:** Tại Điều 6 Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 06/4/2016 do Quốc hội ban hành có quy

định những thông tin công dân không được tiếp cận như sau: Thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công

nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của luật. Khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật thì công dân được tiếp cận theo quy định của Luật này.

Ngoài ra, thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

2. Hỏi: *Xin hỏi, các hành vi nào bị cấm khi tiếp cận thông tin?*

*** Trả lời:** Theo Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 06/4/2016 do Quốc hội ban hành tại Điều 11 có quy định các hành vi bị nghiêm cấm khi tiếp cận thông tin là: cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc cung cấp thông tin; hủy hoại thông tin; làm giả thông tin; cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực; cung cấp hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức; cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin.

3. Hỏi: *Quy định cách thức xử lý thông tin công khai không chính xác?*

*** Trả lời:** Tại Điều 22 Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 06/4/2016 do Quốc hội ban hành quy định xử lý thông tin công khai không chính xác như sau:

Thông tin công khai không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đính chính bằng hình thức đó. Trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra và đã được công khai không chính xác thì cơ quan đó có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính còn với thông tin do cơ quan khác tạo ra nhưng do mình công khai không chính xác thì cơ quan đã công khai thông tin có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính. Đối với trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra nhưng được cơ quan khác công khai không chính xác thì cơ quan tạo ra thông tin có trách nhiệm yêu cầu cơ quan đã công khai thông tin kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

Trong trường hợp công dân cho rằng thông tin công khai không chính xác thì kiến nghị với cơ quan đã công khai thông tin đó. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan đó có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của thông tin và trả lời cho công dân; trường hợp xác định thông tin công khai không chính xác thì phải kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

4. Hỏi: *Cách xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác như thế nào?*

*** Trả lời:** Theo Điều 32 Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 06/4/2016 do Quốc hội ban hành, cách xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác như sau:

Trường hợp phát hiện thông tin do mình cung cấp không chính xác thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện, cơ quan nhà nước có trách nhiệm đính chính và cung cấp lại thông tin, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin cho rằng thông tin được cung cấp là không chính xác thì có quyền yêu cầu cơ quan đã cung cấp thông tin cung cấp lại thông tin chính xác. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm xác định tính chính xác của thông tin và trả lời cho người yêu cầu; nếu thông tin đã cung cấp không

chính xác thì phải đính chính và cung cấp lại thông tin.

Trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không thể xác định được tính chính xác của thông tin do mình nắm giữ thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được đề nghị của người yêu cầu cung cấp thông tin, Ủy ban nhân dân cấp xã phải đề nghị cơ quan tạo ra thông tin xem xét. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan tạo ra thông tin phải xác định tính chính xác của thông tin và trả lời cho Ủy ban nhân dân cấp xã; nếu thông tin đã cung cấp không chính xác thì phải gửi kèm theo thông tin chính xác. Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải đính chính lại thông tin hoặc thông báo cho người yêu cầu cung cấp thông tin biết.